

PHẨM 20: PHẠM HẠNH (PHẦN 2)

Đầu phần hai của phẩm là đoạn hai nói về quả của bốn tâm, có hai ý:

Nói về quả Cực ái địa của ba tâm.

Nói về quả “không” bình đẳng địa của tâm Xả.

Xưa có hai cách giải: Một, là cho rằng ba tâm chưa thành chỉ chung thành một quả, một tâm đã thành nên có riêng được một quả. Hai, là cho rằng ba tâm đồng là hạnh hữu cho nên cùng một quả, một âm là hạnh không nên có một quả riêng.

Các nghĩa trên chẳng đúng, nếu ba tâm chưa thành thì làm gì có quả, vả lại bốn tâm đồng duyên với chúng sinh, đồng duyên vào pháp thì đồng là hạnh hữu, đồng duyên vô duyên thì đồng là hạnh vô. Hữu vô đã đồng thì ba và một phải đồng. Nay cũng nên một lần chia hai theo Biệt viên. Về biệt thì ngay nơi lý mà sự, ba tâm từ, bi và hỷ cùng với ái giúp nên một quả; tâm xả giúp không riêng một quả, nếu phán theo Viên, như trên đã nói một âm tức là bi, hỷ, xả; viên từ tức khắp tất cả pháp, không pháp nào chẳng gồm thấu, vậy quả có cách biệt ư? Văn lược ghi cũng là để giúp nhau hiển hiện, v.v...

Nói về Nhất tử địa, văn chia làm hai:

- Nói về quả địa

- Nói về nghĩa.

Thứ nhất lại có hai xướng môn và giải thích.

Một, xưa nói là Tánh địa; hai, cho là từ Bát địa trở lên; ba, cho là Sơ địa. Nay nói chẳng phải như thế. Trước nói hạnh Thánh tức là tự hành, đã cho là Sơ địa. Nay nói hạnh Phạm tức là Hóa tha, Tự hành đã vào Sơ địa thì Hóa tha đâu thể nói là Tánh địa, đâu thể định là vượt xa, nói từ Bát địa trở lên.

Các thuyết trên hoặc nói thái quá, hoặc nói bất cập. Đây chính là Sơ địa chứng quả hóa tha.

Từ câu “Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích, đầu tiên nêu ra hai chương.

Nói Cực ái nhất tử, nhưng vì Cực ái nên có Nhất tử, vì Nhất tử nên có Cực ái, cả hai chẳng khác mà nay phân biệt khác, là vì Cực ái y cứ theo tâm, Nhất tử y cứ theo cảnh. Tử chẳng phải bên trong ngã, nên nói là cảnh ngoài.

Trong phần giải thích gồm có năm dụ, trong đó dụ thứ nhất giải thích Cực ái; bốn dụ sau giải thích Nhất tử, mỗi tên gọi đều có kết luận,

chia ra rõ ràng. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Từ câu “Thí như cha mẹ v.v...” trở xuống là dụ thứ hai, Bồ-tát thấy phàm phu khởi nhân ái thì sinh bi.

Từ câu “Như người lúc còn nhỏ, v.v...” trở xuống là dụ thứ ba, dụ riêng cho người học phát tâm, khởi tâm chấp đấm.

Nói đất, ngôi đá, v.v... là dụ cho năm ấm, văn sau hợp với ba nghiệp thân, miệng, ý. Tay trái dụ cho thật trí, tay phải dụ cho quyền trí. Lại bên trái dụ cho định quán, bên phải dụ cho trí cứu giúp, đỡ đầu là cứu giúp điều lỗi của thân, móc kéo ra là cứu lỗi lầm của miệng.

Từ câu “Thí như đứa con v.v...” trở xuống là dụ riêng chúng sinh chiêu cảm quả khổ nên nói là đồng đọa vào địa ngục.

Từ câu “Thí như v.v...” trở xuống là dụ thứ năm, dụ chung cho nhân quả cứu giúp.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói về nghĩa, gồm có hai phần hỏi đáp: thứ nhất là nói về nghĩa; thứ hai là thọ lãnh tin hiểu. Phần thứ nhất, trước là hỏi sau là đáp. Lời hỏi có hai: một, là trình bày thẳng chỗ không hiểu.

Kế là từ câu “Nếu các Bồ-tát v.v...” trở xuống là chính thức nói về nghĩa. Hoặc nói có năm câu, hoặc cho là ba câu vặn hỏi: một, là hỏi về việc giết Bà-la-môn. Hai, là hỏi về việc mắng Đê-bà-đạt-đa. Ba, là nêu Tu-bồ-đề làm dụ so sánh.

Thứ nhất chia làm ba: một, là vì sao giết; hai, là nên hộ niệm; ba, là vì sao chẳng đọa địa ngục.

Từ câu “nếu khiến cho bình đẳng, v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai quả trách Điều-đạt.

Thứ ba, nêu Tu-bồ-đề để dùng Tiểu thừa so sánh với Đại thừa.

Tiểu thừa còn hộ niệm chúng sinh, tức dùng ý này để so sánh với quả vị Phật tròn đầy còn có sát sinh quả mắng. Nếu đã là Từ tâm vì sao khiến cho chúng sinh thêm lớn phiền não.

Từ câu “Nay thầy, v.v...” trở xuống là ý thứ hai, Đức Phật trả lời. Tức trả lời ba câu hỏi trước, nhưng chẳng theo thứ lớp. Đầu tiên là trả lời câu so sánh, kế đó trả lời câu hỏi về sát sinh, sau cùng là trả lời câu hỏi về quả mắng. Vì sao chẳng theo thứ lớp? Chỉ vì câu hỏi gồm thấu trả lời trước, không cần theo thứ lớp, trường hợp này rất nhiều. Nhưng câu hỏi về so sánh rất quan trọng, vì sao? Vì nói thầy không có tâm Từ, chẳng bằng đê tử, cho nên phải ngăn chặn bác bỏ trước, đồng thời quả trách: Là chẳng nên. Đầu tiên là quả trách chung.

Kế là nêu bảy việc, mỗi việc đều phân biệt quả trách Ca-diếp.

Nói chủ, mở chim nhon gọi là chủ, vôi của muối cũng giống như thế, nên gọi là chủ.

Năm việc trên rất dễ hiểu.

Đoạn cuối cùng nêu ra nhiều việc, trong đó có nói thà sống chung với rắn độc v.v... là mượn Ca-diếp để răn cấm kẻ ngu si.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi về giết người. Có ba ý, nay đầu tiên nói vì sao phải giết, mà thật chẳng phải giết, nói rộng sáu độ. Văn có ba đoạn:

- Nêu lại câu hỏi
- Chánh đáp
- Kết luận thật chẳng giết

Từ câu “Khi trước v.v...” trở xuống là trả lời ý hỏi về hộ niệm, cũng có ba, trước là nêu lại câu hỏi.

Kế là, từ câu “Bấy giờ, v.v...” trở xuống là giải thích.

Ở trước ngài Ca-diếp hỏi khi chưa được Bất động địa thì có được phá giới hay chẳng, Như Lai trả lời được. Ở đây Phật trả lời là khi giết các Bà-la-môn thì đã đạt đến Nhất tử địa. Hai văn này nghĩa thế nào?

Giải: Một, ở trên người hỏi là hỏi chưa đạt được địa, Phật đáp đã được địa và phá giới. Hai, cho rằng ở trên nói chưa được là chưa được chân, ở đây nói được là được chân. Ba, là xưa giải thích vì thấy cơ mà giết nên không phạm tội.

Hà Tây cho rằng: Một, là vì tâm đại bi sợ người bị đọa vào địa ngục. Hai, vì hộ pháp, mà người kia lại phỉ báng pháp, nên phải giết để họ tránh được tội phỉ báng. Ba, là vì diệt tà kiến. Bốn, là phát khởi tín tâm cho họ.

Xét các nghĩa trên thì cũng giống như có giết thật. Hưng Hoàng cho rằng đây là thị hiện có giết, như việc Đồng tử lên nghe giới ở trước, việc quả trách Điều-đạt sau này.

Nay thử hỏi nếu là hóa hiện giết, thì đâu có việc đọa địa ngục suy nghĩ ba việc, sinh vào cõi cam lộ tuổi thọ mười kiếp. Nếu đều là biến hóa thì việc làm của Như Lai lợi ích cho ai? Nếu chẳng phải hóa hiện thì Đồng tử sau khi chết sinh về đâu? Nên biết cả hai cách giải đều chẳng thể nghiêng chấp. Nếu đạt được ý thì yếu lý ở trong đó.

Từ câu “Vì nghĩa này v.v...” trở xuống là kết luận.

Từ câu “Nếu có người v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi chẳng đọa, có ba ý: một, là hỏi lại; hai, là Ca-diếp trả lời.

Thứ nhất như văn kinh ghi.

Từ câu “Đức Phật khen v.v...” trở xuống là ý thứ ba, chánh đáp.

Văn có ba đoạn:

- Khen ngợi
- Phân biệt nội giáo sát và ngoại đạo sát
- Hội thông lời hỏi

Thứ nhất là khen ngợi thuật lại.

Nếu có tâm ác thì cắt cỏ cũng còn có tội, nếu không có tâm ác thì giết người cũng không có tội.

Từ câu “Theo pháp v.v...” trở xuống là phân biệt việc sát sinh của ngoại đạo và nội đạo. Thứ nhất là phân biệt ngoại sát.

Từ câu “Phật và Bồ-tát v.v...” trở xuống là phân biệt nội sát.

Từ câu “Nếu giết v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, hội thông.

Nói giết không có tội, văn kinh sau ghi: Bồ thí cho Nhất-xiển-đề được phước báo một ngàn lần, bồ thí cho con chó đói được phước báo gấp một trăm lần. Ở đây lại ghi là giết Nhất-xiển-đề không có tội, tức muốn nói quan hệ giữa cho và đoạt. Nếu hiện Nhất-xiển-đề không có gốc lành thì giết không có tội, nếu nói là do quá khứ giữ năm giới được làm người, quý hơn súc sinh, cho nên bồ thí thì được phước báo gấp một ngàn lần.

Từ câu “ở trên thầy nói rằng v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi về mắng chửi, cũng có ba phần là nêu lại câu hỏi, giải thích và kết luận hội thông, thứ nhất như văn kinh ghi.

Kế là giải thích, dẫn bảy việc để chứng minh, có hai đoạn: một, là lược thuật chung các ý.

Từ câu “Như có lần v.v...” trở xuống là nêu riêng bảy việc.

“Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận hội thông với câu hỏi.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần lãnh giải. Đầu tiên là lãnh thọ, sau là thuật thành.

Nói bốn vị tức là bốn ĐẾ, xuất là vị xuất khổ, ly là vị ly tập, còn diệt và đạo như văn ghi.

Từ câu “Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là nói về quả của tâm xả. Văn có hai đoạn: một, là nói về bình đẳng địa; hai, là nói về tri kiến.

Vì sao? Vì tịch mà chiếu, ngay nơi không mà hữu, ngay nơi thật mà quyền. Trên đã nói quả của ba tâm là ngay nơi sự mà lý, sau kết luận là cảnh giới Phật. Ngay nơi sự mà lý đã hiển bày cho nhau với đoạn văn này.

Đoạn một lại có ba: một, là nói về quả bình đẳng; hai, là nói về nghĩa không; ba, là nói về lợi ích.

Thứ nhất là trước hỏi sau đáp.

Trong phần đáp có hai: một, là nói lược về quả không môn; hai, là nói rộng về quả không môn.

Khen Tu-bồ-đề vì ngài là bậc giải “không” bậc nhất trong hàng Thanh văn. Nêu Tiểu thừa so sánh với Đại thừa để nói về thể của địa. Xưa nêu lên hai cách giải thích: Một, cho là Thất địa, dẫn kinh: “Thất địa vào vắng lặng”. Hai, cho là Bát địa, vì không có “đều quán bình đẳng”. Nay cho rằng Sơ địa và Nhất tử địa về lý thì đồng mà công năng thì khác, nên lập tên riêng, đầu thể định là có sâu cạn. Trong các hạnh Thánh thì quả của Giới và Định đều đồng ở Sơ địa.

Từ câu “Bồ-tát trụ v.v...” trở xuống là thứ hai, nói rộng về quả của “Không môn”, gồm có pháp, dụ và hợp.

Phần pháp thuyết có nói đủ hai “không” là “nhân” không và “pháp không”. Nói chẳng thấy cha mẹ v.v... tức là Nhân không. Nói chẳng thấy ấm, giới, nhập tức pháp không. Còn nói chúng sinh và tuổi thọ là lập lại sinh không.

Kế là từ câu “Thí như v.v...” trở xuống là nêu sự không để làm dụ.

Từ câu “Tất cả các pháp v.v...” trở xuống là hợp.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói rộng về nghĩa không. Văn có hai là trước hỏi sau đáp.

Phần trả lời có ba: Một, là nêu mười một không. Hai, là giải thích. Ba, là kết luận.

Đại phẩm nói mười tám không, hoặc nói bảy không. Ở đây nói trung bình nên chỉ nêu mười một không. Nhưng kinh Đại Phẩm nói rộng về không, mà sơ lược về Tánh. Kinh này nói rộng về Tánh mà sơ lược về Không. Gom chung hai kinh thì giúp nhau hiển bày trọn vẹn.

Từ câu “Đại Bồ-tát v.v...” trở xuống là giải thích mười một không. Xưa có hai thuyết: Một, là Dung Thành cho rằng sáu không trước là Hồ vô không, tánh không trở xuống, gồm năm không là nhậm lý không, nhậm lý là chân đế không, Hồ vô là thế đế không. Trang Nghiêm chấp nhận. Hai, là Khai Thiện cho đều là lý không mà bác bỏ Trị Thành, lại chia làm bốn nhóm: Một, là sáu không, đầu tiên là Giả danh không; Hai, là hai không, kế tiếp là Thật pháp không; Ba, là một không, kế tiếp là Bình đẳng không; Bốn, là hai không, sau cùng là Phạt quả không, vì tu hành có thứ bậc.

Các Sư Trung Quán cho rằng mười một không đều là để phá bệnh, dẫn Thích Luận rằng: “Như thuốc có mười một vị để chữa mười một gốc

bệnh. Không mười một hữu được gọi là mười một không, tất cả đều là lý”. Cũng có thể nói tám không trước là phá bệnh, ba không sau là hiển chân.

Ở đây nói mười một không, mỗi thứ đều có giới phận khác nhau, đó là thế giới. Vì duyên có mười một, gọi đó là sinh thiện, tức là vị nhân. Trị mười một bệnh tức là đối trị. Nghe mỗi thứ không liền thấy được lý, tức Đệ nhất nghĩa. Thông tất cả các phương thuốc để dung hợp chữa trị, đầu thế nhất định chấp một bên nào.

Nói thêm rằng các kinh luận nói có khác, nhưng chẳng vượt qua bốn Tất-đàn. Bốn Tất-đàn bao gồm bốn niệm, dung thông hiển mật, đầu thế vượt qua lý này. Mười một không này gồm mười một đoạn.

Đầu tiên nói về không thì nói không có pháp bên ngoài, nói về cái bên ngoài không thì nói không có nội pháp, Trị Thành cho đây là Hổ vô không. Khai Thiện khi nói về cái bên ngoài không thì so sánh giải pháp cũng không. Khi nói về cái bên trong không thì cũng so sánh giải pháp bên ngoài cũng không; khi biết vô vi không thì so sánh biết hữu vi cũng không. Có người bình luận hai cách giải này như sau: Trị Thành được văn mà mất lý; Khai Thiện được lý mà mất văn. Có sự lại cho rằng đối với bên trong mà nói về bên ngoài, bên trong đã không thì bên ngoài cũng không, lời này lại giúp cho cách giải của Khai Thiện.

Văn giải thích nội không : “Chẳng có thường, lạc v.v... Tam bảo”. Văn sau lại nói: “Như Lai, pháp và Tăng chẳng ở tại hai không”. Điều này được giải thích trước, nói không tức là không chấp ngang ngoài lý, sau nói chẳng không tức chánh pháp ở trong lý.

Nếu nội ngoại “không” giải thích bằng hổ tương không có thì chẳng thể nào tương ứng, nếu dùng ý đối đãi nhau thì dễ thấy. Đã đối đãi nội ngoại và được xa lìa nội ngoại thì lấy làm hai không. Đã không có nội ngoại, tức không nội ngoại thì hợp thành một không.

Hữu vi không cũng như nội ngoại không.

Luận về vô vi không mà nói bốn pháp như Phật v.v... chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, tức là nói chánh pháp Trung đạo.

Về Vô thí không, có thuyết cho rằng vì phá minh sơ của ngoại đạo nên nói là vô thí. Có thuyết cho rằng xa thì chấp nguồn gốc, không có khởi đầu, chứ chẳng phải nay mới không, mới phá. Nói “không” tức là lý “không”, chẳng có chỗ khởi đầu. Bản này dịch theo bản dịch của đời Tống và đời Minh Bản này ghi: Vô minh vô hữu thí. Bản đời Tống ghi: Minh vô vô vô hữu thí.

Về Tánh “không”, có thuyết cho rằng phá tánh mà nói tánh

“không”, có thuyết cho rằng bản tánh đều “không” tức tánh “không”, như người nghèo chẳng có vật gì.

Xưa nói: Từ câu: “Nhãn sinh diệt v.v...” trở xuống là y cứ theo pháp không để nói Đệ nhất nghĩa. Lại từ câu “Thế nào là v.v...” trở xuống là y cứ theo nhân không để nói Đệ nhất nghĩa. Khai Thiện cho rằng đâu được dùng Sinh không và Pháp không cạn thắp để giải thích Đại Niết-bàn. Hơn nữa trong các kinh, trước đều nói về sinh không, vì sao ở đây trước nói pháp không. Các Sư Trung Quán cho rằng khi nhãn sinh, không từ đâu đến tức là nghĩa chẳng sinh, khi nhãn diệt thì không đi về đâu là nghĩa chẳng diệt, đây lại là nghĩa hai bất (trong tám bất) của Trung luận. Nếu nhãn là có thì chẳng nên nói xưa không nay có, đã có lại thành không. Suy tìm thật tánh của nó thì chẳng có nhãn, chẳng có chủ. Suy ra tất cả pháp cũng như thế.

